

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Trâm;
2. Bà Lê Ngọc Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Huỳnh H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà 1554C, ấp Trường Phú, xã Trường Đông, thị xã H, tỉnh T, (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà 1554C, ấp Trường Phú, xã Trường Đông, thị xã H, tỉnh T, (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Ngọc D chung sống với nhau vào năm 1989, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh chị không có tiếng nói chung, hay gây gổ. Anh và chị đã ly thân từ năm 2007 cho đến nay, nay anh thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Ngọc D.

Về con chung anh chị có 03 người con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1990, Nguyễn Thị N, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1995, hiện nay các con chung đã thành niên nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Ngọc D trình bày:

Chị thống nhất theo lời trình bày của anh H về thời gian anh chị sống chung, thừa nhận vợ chồng chị có mâu thuẫn như lời anh H trình bày. Anh chị đã ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 03 người con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1990, Nguyễn Thị N, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1995, hiện nay các con chung đã thành niên nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh H, chị D là vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Huỳnh H và chị Nguyễn Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: anh Nguyễn Huỳnh H và chị Nguyễn Ngọc D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn. Do không có đăng ký kết hôn nên việc anh H, chị D sống chung là vi phạm quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình do đó giữa anh H và chị D không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị D, chị D cũng đồng ý ly hôn, tuy nhiên không thể công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị do hôn nhân của anh chị không hợp pháp mà căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận anh H, chị D là vợ chồng.

[3] Về con chung: anh H, chị D có ba con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1990, Nguyễn Thị N, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1995, hiện các con chung của anh chị đã thành niên tự lao động sinh sống được và anh H, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh H, chị D đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết vấn đề này.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 15, 53, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Huỳnh H với chị Nguyễn Ngọc D là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh H, chị D không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H, chị D không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0008627 ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh T, anh H đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**